



Người Vợ Lĩnh

*Tiêng đạn quân thù rền vang đây đó
Lửa bùng lên rực đỏ cháy quê hương
Máu chiến binh hồng thấm nhuộm chiến trường
Quyết giữ lấy phần biên cương Quốc thổ*

*Là vợ của lính trong thời binh lửa
Mái pông sô hứng đạn tưởng trời mưa
Súng vang trời cứ ngỡ pháo giao thừa
Mùi thuốc súng chưa khi nào được ngửi*

*Sánh vai chồng xông pha ngoài biên ải
Lửa hỏa châu cháy rạng sáng quê hương
Tay lựu đạn tay cò bóp súng trường
Còn ai nhớ ai thương người vợ lính?*

*Chồng nằm xuống vợ khinh binh thế chỗ
Diệt quân thù con cuồng nộ chiến tranh
Ai còn nhớ người quả phụ vô danh
Khép kín mình bên dòng đời hiu quạnh.*

Thị xã Trà Vinh tôi sống không lâu nhưng nơi này đã để lại trong tôi nhiều kỷ niệm, đã cuu mang tôi hai lần trên bước đường trốn chạy nạn cộng sản. Lần thứ nhất vào

khoảng tháng 2 năm 1975 khi đồng bào tỉnh Quảng Trị lục đục kéo ngang qua Huế, anh bà con của tôi là cố Trung Tá Nguyễn Văn Bình Sư Đoàn 1 Bộ Binh đến nhà đề nghị với má tôi:

-Di nên đưa các em về Trà Vinh ở với chị Thảo một thời gian, di bảo các em chuẩn bị vài hôm nữa con lên lại đưa di và các em đi.

Gia đình tôi đông chị em, ba tôi bị Việt Cộng chôn sống năm Mậu Thân nên chúng tôi lúc nào cũng được lưu tâm của mọi người thân trong gia tộc.

Mặc dù anh Bình không nói lý do gì mà đi, nhưng một vị trung tá nói như thế cũng hiểu ngầm rằng tình hình chiến sự căng thẳng. Thảm cảnh Mậu Thân còn đó, những bộ hài cốt trắng hếu bị quán chặt dây kẽm gai, xương đầu đập nát trong những hố chôn tập thể như hiện hiện trước mắt, hình ảnh những tên đao phủ trợn mắt nhe răng, cầm búa, cầm mã tấu đánh vào đầu người dân lành vô tội làm tôi rợn ốc nổi da gà, khi nghe anh Bình nói như vậy tụi tôi cuống cuống, chị em mỗi đứa một túi xách nhỏ mang theo ít đồ cá nhân ngồi bắt mắt ngó ra đọi anh Bình.

Nhà chị Thảo ở đầu sân bay Trà Vinh, gần cổng Đại Đội Tổng Hành Dinh của Sư Đoàn 9 BB, chồng chị Thảo làm đại đội trưởng, căn nhà lợp lá dừa nước, vách toàn là ống đạn, chiều dài căn nhà quá cỡ nhà bình thường, tựa tựa như khu gia binh.

Vô tới đây ai nấy thở phào nhẹ nhõm, chạy một mạch xa như vậy cứ nghĩ rứa là ổn nào ngờ chết điếng người khi nghe tin QLVNCH nhận lệnh phải buông súng.

Thế là hết! Chị em chúng tôi nước mắt lưng tròng nhìn nhau trong âu lo, thương hận.

*Cho tôi thước vải thô màu trắng
Quán ngang đầu buộc chặt nổi hờn căm
Ba mươi tháng tư một chín bảy lăm
Cúi đầu xuống bịt tang ngày Quốc Hận.*



Đất nước đã nhuộm đỏ màu tang tóc, đại nạn cộng sản

bao trùm, không biết tương lai về đâu, nơi bám víu sau cùng là chấp tay xin ơn trên che chở. Trong thế chằng đặng đứng đờng chúng tôi bầu đoàn thể tử lực đực trở lại Huế, nhà của tôi đông chị em nên ba tôi xây rất to, căn sau nối liền với nhà trước, nhà đúc mái bằng dự tính lên lầu, Tết Mậu Thân bị mấy trái pháo mà không sập, vô tới cửa ngõ thì tá hỏa tam tinh, một nhà toàn là lính Việt Cộng, khi đến tột cùng của sợ hãi thì không còn biết sợ là gì

nữa, tôi bước vào nhà như một con điên liệng mạnh túi xách xuống nền, hét lớn:

-Mấy ông ở mô mà vô đây! Đi ra ngay! Ra khỏi nhà ngay lập tức!

Đám lính cộng sản phần nhiều là choai choai cỡ mười lăm mười bảy, đưa nào đưa nấy nghe tôi hét chúng quờ quạng kéo nhau dòn lui qua phòng sau, rồi có một tên lớn tuổi ra điều đình:

-Không biết mẹ và các cô về nên chúng cháu không chuẩn bị, mẹ cho chúng cháu ở tạm nhà sau một hai hôm để chỉ huy sắp xếp, chúng cháu sẽ đi ngay.

Ai nấy đều mừng thầm, xuống nước nhỏ tức là nhà mình không mất.

*Bạn còn nhớ cuối mùa xuân năm nớ
Quê hương chìm trong biển đỏ thương đau
Tang thương ly hận chồng chất oán sâu
Đất nước khởi đầu thiên niên mạt vận.*

Trà Vinh.

Lần này trở lại với hoàn cảnh khác, tay ôm con dại, cùng chồng tránh nạn thu gom đi tù lần thứ hai.

Làng tôi có bốn người đi tù về năm 1977, anh Tùng bà con của chúng tôi, cấp bậc trung tá trước phục vụ trong ban Liên Hợp Quân Sự Bốn Bên cùng với hai thiếu úy là anh Cam và anh Đức cùng chồng tôi.

Sau khi Trung Cộng đánh các tỉnh biên giới phía Bắc, công an vô lại nhà, bắt các anh làm lý lịch, đêm hôm sau xét hộ khẩu bắt đi luôn, chồng tôi cũng vậy, sáng hôm nay công an bắt khai lý lịch, chiều hôm đó chúng tôi vội vàng bỏ Huế ra đi.

Gia đình ba người chúng tôi vào tá túc thị xã này được gần bốn tháng, rất ngạc nhiên vì cuộc sống bà con ở đây chẳng khác lúc trước mấy, quán nước mía dọc đường, quán cà phê vẫn dùng nhạc cũ trước 1975, nói đến cơm độn hầu như không ai biết, so với Huế, Quảng Trị thì đây là thiên đàng.

Cuộc sống tinh thần ít căng thẳng hơn Huế, người dân ở đây không dòm ngó nhau nên tình trạng rình rập báo cáo lập công không có, nhờ vậy chúng tôi sống lậu ở đây trên bốn tháng rồi không bị xét hộ khẩu.

Mâm cơm trưa đã chuẩn bị xong để bên mép giường, chiếc chiếu cũ trải xuống nền nhà làm bàn ăn cũng đã sẵn sàng, xoong cơm trắng không độn, xoong cá kèo kho khô với hẹ ngào ngọt mùi thơm, ở Huế thời điểm này làm chi có được bữa cơm ngon như vậy.

Nghề đập xe lỏi giờ giấc bất thường khi sớm khi trễ, tôi bỗng con ra ngồi dưới bóng mát cây xoài, nước phèn vàng quánh trong hồ nuôi cá xông lên mùi hăng hắc, nhìn ra con dốc đầu lộ chờ anh ấy về.

Rất ngạc nhiên trưa nay sau xe có hai người, một lớn một bé, tôi bỗng con đứng dậy nhường bóng mát cho ảnh kéo chiếc xe vào. Tôi gật đầu chào người phụ nữ về cùng xe với ảnh, rùng mình khi nhìn qua khuôn mặt người đàn bà này, quá dễ sợ, một mắt trông trắng nhô lên như muốn

nhảy ra ngoài, ghèn đóng một vòng quanh con mắt, vàng vàng xám xịt , cánh tay trái treo lên cổ một vết thương dài lòi mớ lẫn máu vàng khè ruồi bay theo, đầu đội mũ rách toe, mặt hai mẹ con dính đầy đất bụi, tay bé cầm cái tô to, họ là người ăn xin, chồng tôi nói :

-Em đưa chị và cháu vô nhà, anh tháo cổ xe ra rồi vô sau.

Tôi đưa hai mẹ con vô nhà, đẩy mâm cơm sâu vào trong, rảnh chỗ ở mép giường mời hai người ngồi, vì sống tạm nên chẳng có bàn ghế chi hết, người phụ nữ vẫn im thin thít từ ngoài sân vào tới đây, chồng tôi vào bưng theo thau nước, kẹp cái khăn trắng đã ngả màu vì nhuộm phèn, vì thiếu xà phòng, anh nói:

-Chị rửa mặt rồi cho cháu ăn cơm kẻo quá trưa rồi.

Quay qua tôi anh giới thiệu:

-Đây là chị Quang, vợ của Đại Úy Quang trưởng phòng hành quân đơn vị cũ của anh, anh ấy là bạn, đầu năm 1974 anh thuyền chuyen về Đà Nẵng anh Quang ở lại đã bị bắn chết tại phòng ngủ trong bản doanh đơn vị khi Việt Cộng tấn công Ban Mê Thuột .

Chị Quang đứng dậy đưa em bé đi rửa mặt, nhìn khuôn mặt dơ đầy lem luốc của chị tôi không thể đoán chị ở độ tuổi nào, tôi hỏi chồng:

-Chị ấy làm chi mà bị thương nhiều dữ vậy, nhìn mặt chị. em rùng mình, con mắt ghê quá, lòi ra không nói mà ón ốc, cái lớp ghèn lòng thông bao quanh, tay bị thương há miệng, mớ máu chảy, ruồi lảng theo cả đoàn, sao chị ấy không băng bó lại, mắt vệ sinh kiểu đó lâu ngày cánh tay cụt như chơi.

Chồng tôi mỉm cười nói:

-Đó là di chứng của thời đại.

Tôi nói lại:

-Đúng là bệnh thời đại, khi xã hội là một vũng bùn thì con người lấm bùn mất vệ sinh theo.

Chị ấy đưa cháu trở vào, tôi bung mâm com đặt xuống chiếc chiếu, tôi chọn ngồi sát bên chị, để hai người ngồi cùng chiều khỏi nhìn thấy mặt người đối diện, kéo nôi com về gần, tôi ngại cánh tay lòi mỡ đó đưa qua đưa lại, nhưng tôi giật mình khi chị đưa tay nhận chén com, cánh tay trắng nõn nà vết thương kinh tởm đó không còn nữa, tôi ngạc nhiên hỏi chị:

-Hồi nãy tay chị bị thương mà sao bây giờ lành rồi.

Chị cười nói:

-Chuyện dài dòng lắm, chị sẽ kể cho cô nghe sau.

Tôi suy nghĩ câu nói của chồng tôi “di chứng của thời đại”, câu nói có ẩn ý nhưng mình nghĩ không tới.

Bây giờ tôi nhìn kỹ mặt chị, mắt trái trông trắng vẫn nhô lên, nhưng ghèn bao quanh không còn, khuôn mặt trái xoan, sống mũi dọc dừa, con mắt còn lại đen láy sau hàng lông mi dài, họ gọi là mắt bồ câu, một vẻ đẹp thanh tú, kiêu sa, nếu con mắt bình thường thì đúng là một giai nhân.

Tôi thắc mắc, nhìn dáng người của chị, chắc chắn sinh ra và lớn lên trong một gia đình bề thế đương nhiên là học hành tới nơi tới chốn, gia đình của chị, rồi gia đình bên chồng, dù khó khăn cách mấy đi nữa bộ hai gia đình không kham nổi hai mẹ con chị hay sao, mà chị lại phải dặt con đi ăn xin, chắc chắn có vấn đề.

Bữa com xong chị phụ tôi dọn dẹp, tôi không cho, tôi nói:

-Chị rửa tay cho cháu ngủ đi, mấy cái chén em quơ một tí là xong.

Chồng tôi vội vàng lên yên, lái xe đi lại, để dọn hàng cho chị Thảo và đưa các mối bán buôn ở chợ về nhà, tôi dẫn ảnh:

-Anh nhớ nói qua với chị Thảo nhà mình có khách nghe.

Anh gạt đầu quay qua nói với chị Quang:

-Tụi em ở đây khá lâu rồi chưa được ai hỏi thăm sức khỏe, đêm nay chắc cũng vậy chị phê cánh ngủ một giấc mai đi sớm.

Anh ấy ra đi chúng tôi ngồi lại với nhau nhìn thẳng vào mắt chị tôi mở đầu:

-Chị biết đó, em cũng là vợ lính, nhưng lính từ trại tù về, xã hội này gọi anh là ngụy quân, em không may mắn được làm vợ lính trong thời chiến để cùng chồng gửi mùi thuốc súng, em cũng không may mắn làm người vợ bán từng CC máu để nuôi chồng trong các trại tù khổ sai khôn nặn. Em chia xẻ nhọc nhằn thân xác của anh hiện tại và trân quý dĩ vãng oai hùng của anh, em không bao giờ đụng tới vết thương đang mưng mủ, nhức nhối từ trái tim đến thớ thịt, có những buổi chiều anh ngồi quay mặt xuống hồ đôi mắt nhìn về nơi xa xôi nào đó, có khi đứng dậy mắt đỏ hoe. Em nghĩ đó là những phút giây thiêng liêng của cuộc sống, người anh hùng ngã ngựa, họ muốn đứng lên, nhưng đứng lên cách nào, muốn vực dậy nhưng vực cách sao đây. Em luôn cảm thông và khuyến khích tinh thần, tội nghiệp anh, tội nghiệp những người lính Việt Nam Cộng Hòa. Tội nghiệp những người vợ bị lột xác trong cái xã hội quỷ quái này, các chị phải đầu tắt mặt tối gánh nặng hai vai, chồng trong các trại tù, con còn nhỏ dại, tứ thân phụ mẫu già yếu tật bệnh, bây giờ em đang ngồi đây cũng đang cùng anh trốn chạy, qua một ngày là mừng một ngày, được ngày nào hay ngày đó, xã hội này là một bóng đêm dài bất tận, nhìn tới phía trước lóe lên toàn dao găm mã tấu, toàn máu là máu.

Tôi nói một hơi chị ngồi yên lắng nghe, con mắt còn lại của chị sáng lên, long lanh đầy sát khí chị nói.

-Chồng của cô là bạn thân của chồng chị, họ là những người lính từng kề vai sát cánh sống chết bên nhau, bây giờ người mất người còn, chú và cô đang trên đoạn đường bôn tẩu, chú có cô cảm thông chia xẻ, chị một mình lạc lõng bơ vơ, chẳng còn ai ngoài những người bạn, trân quý nhau coi nhau như ruột thịt. Chị kể cho cô nghe về chị, sáng mai mẹ con chị sẽ đi, không biết đi đâu bạn bè bảo sao thì nghe vậy.

Chị bắt đầu kể:

Bản doanh của đơn vị là một căn cứ của Quân đội Hoa kỳ bàn giao lại, căn cứ rất lớn, đơn vị dành một khu làm nhà ở cho sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ, chị và anh Quang ở trong đó. Khoảng ba giờ sáng đêm 10 tháng 3 năm 1975, đang ngủ giật mình vì những tiếng nổ lớn, nửa tỉnh nửa mê không biết nổ ở đâu và hướng nào, anh Quang vùng dậy bật đèn sáng, chụp bộ đồ lính vắt trên đầu giường, tròng quần vào, cúi xuống xỏ chân vào đôi boot đồ sơn, tay lấy cây súng AR 15 dựng bên đầu giường, vén màn bước ra như thường lệ ngồi vào ghế để cột dây giày, chị nghe anh lên tiếng nói chuyện với ai đó thì một loạt súng nổ, chị giật mình vén màn nhìn ra anh Quang gục lên bàn, thấy người bắn anh Quang bận bỏ đồ biệt kích bạc màu, tóc dài, dáng nhỏ mặt xương xẩu đứng nhìn anh Quang một lúc rồi bỏ đi. Máu anh Quang từ ghế ngồi chảy xuống có vôi, chị ngồi bệt xuống nền nhà thân hình cứng đơ, như cái xác không hồn, cứ ngồi mở to mắt nhìn máu chảy, nhìn anh ngồi gục ở đó, chị lịm chết đi như thể không biết bao lâu, con bé khóc chị giật mình, đứng lên kiểm miêng bánh quy trong hộp lương khô cho bé ăn. Không biết đã qua giờ thứ mấy, không biết bây giờ sáng hay chiều, mặt trời đã nghiêng bóng, như xác chết chị bước ra ngoài coi còn ai nhờ giúp. Đập cửa phòng anh Đường đối diện không nghe ai lên tiếng, mấy phòng kê bên cửa mở toang không bóng người, đơn vị im lìm vắng tanh, hoang vắng đến lạnh người, tiếng súng đi đùng nghe rất xa. Chị không biết việc gì đã xảy ra, một điều chị biết là lúc này trong đơn vị chỉ còn một mình chị, quay vào phòng, anh Quang ngồi bất động trên ghế, máu nhuộm đỏ bộ đồ hoa loang một khoảng lớn trên nền nhà. Nhìn anh, cứ đứng nhìn chết trân, chân tay chị lạnh cóng, trong đầu lảng vảng câu hỏi. Chết rồi ư? Chết thật rồi ư? Nước mắt không chảy nữa, khô đắng cổ họng, không biết phải làm gì, đầu óc trống rỗng, chợt bừng tỉnh như qua cơn mê khi nghe tiếng người



nói chuyện, tiếng chân người xào xạc dên gân, chị mừng thầm như vậy là có người giúp, nhưng phải coi ai cái đã, chị lui vào trong buồng ngủ, vạch tấm màn chắn gió nhìn ra ngoài. Có ba người đứng trước cửa phòng của chị, chị thấy thằng bán anh Quang vai hấn có cột tấm vải đỏ, với thêm hai thằng khác đội mũ cối, ba đứa súng đeo vai đứng ngay cửa ra vào đang chỉ chỗ chị đó, thấy hấn chị mừng quá, vớ cây súng AR15 của anh Quang, kê mũi súng lên thành gỗ đóng lưới chắn muỗi, mũi súng cách bọn đó khoảng 3 mét, tầm đạn này thì cả ba đứa đều ngang vai. Chị bật nhẹ khóa an toàn, kéo mạnh tấm màn che, mở mắt to nhìn ba đứa để coi chúng ra sao khi chị ghé cò, ngón tay chị siết chặt cò súng, cho chắc ăn mũi súng nhích qua nhích lại, chúi xuống, dờ lên, toe tấm ván ép làm cửa. Ba đứa khua tấm nhìn, có lẽ bọn chúng nằm xuống, chị xách súng chạy ra, trở băng đạn lại, (súng anh Quang hai băng cong gắn băng keo lại với nhau) đập mạnh cửa, thấy ba thằng nằm chồng lên nhau, chị đưa súng vào đầu bóp cò tiếp ba chục viên đạn ra đi, ba cái đầu dẹp xuống như ba mũi dầy.

Nhìn xác dẹp đầu của thằng đó chị thấy lòng mình nhẹ nhõm, tâm trí tỉnh táo lạ thường, đem đặt cây súng lên bàn

cạnh anh Quang, lúc đó mới nghĩ ra; chôn anh rồi rời khỏi đây. Chị ung dung mở cái xẻng cá nhân cào một rãnh dài sâu ngang đầu gối dẫy đất bên cạnh phòng ngủ, lấy tấm ra trắng bọc xác kéo anh ra huyết chôn, anh quá cao và nặng, hơn nữa trong tư thế ngồi, chết quá lâu cứng đờ. Chị tập trung hàng chục chai rượu tẩm vào quần áo một lúc đuổi thẳng người ra, đất không đủ lấp kín phải vác bao cát chôn chung quanh nhà xô ra lấp lên, một số chất thành nấm mộ, xong việc trời cũng nhá nhem tối, chị vào sửa soạn đi ra đi. Chị mang theo hai cây súng của anh, cây roulette ngắn nòng (P38) với nửa hộp đạn, cây browning 10 viên đạn giắt vào nịt vú, xé hai tấm vải trắng trải giường làm khăn tang, quần lên đầu cúi chào anh rồi hai mẹ con ra đi.

Hành trình về phương Nam.

Những bước chân âm thầm trong đơn độc, không phương tiện, không bóng người trên quốc lộ, cứ đi, cứ bước, nhưng không biết đi đến đâu và bao giờ tới đích. Tim chị bây giờ chai cứng, thù hận đốt cháy con người, chị sẵn sàng giết bất cứ đứa nào lạng quạng trước mắt. Chị sẵn sàng chết, cho nên chị không sợ chết, chị nguyện sẽ trả thù cho anh Quang trong khả năng có thể.

Đọc theo Quốc lộ 21 về hướng đông, đi bộ đến nỗi hai bàn chân phồng lên chảy nước, đi nhanh, đi chậm, qua từng khúc, vượt từng đoạn, nơi nào có nhà vào xin ăn, ngủ bờ, ngủ bụi, ngủ bất cứ lúc nào không kể ngày đêm, chị chẳng còn biết sợ là chi, cây P.38 sẵn sàng bắn vào đầu bất cứ đứa nào. Những nơi đã đi qua không để lại trong chị dấu ấn nào, rồi một hôm không biết từ ngày đầu tới giờ đã bao lâu, mẹ con chị đứng trên đèo Phượng Hoàng hướng về phía đông, xa xa những cụm khói bốc lên có lẽ đó là thị xã Ninh Hòa.

Người chị hùng hực nóng như cơn sốt khi đứng trong khu thị tứ đỏ rực màu máu, có lẽ miền Nam đã mất trong những ngày chị lang thang trên đường 21.

Đọc theo Quốc lộ 1, từng cụm người ngồi, nằm, la liệt

thân sắc ngu ngơ, họ ngồi vì họ đã cùng đường. Từng toán lính cộng sản đi ngang qua, những thằng bận đồ lính VNCH mang băng đô lẻo đẹo theo sau, chị muôn móc súng bắn nát óc mấy thằng đó.

Chị bắt xe đi từng đoạn về Sài Gòn, Sài Gòn bây giờ quá tội nghiệp, xác xơ, ử rữ, vọng nhìn theo bóng những đứa con bị đuổi ra đi.

*Sài Gòn ơi! Thôi từ nay vĩnh biệt
Ta gục đầu thương tiếc buổi chia ly
Người ra đi đảo lộn cả đất trời
Người nằm xuống không nói lời từ biệt
Muôn thế hệ ngàn sau hằng thương tiếc
Sài Gòn ơi! Thôi vĩnh biệt từ nay.*

Đau đớn nhìn quang cảnh Sài Gòn, thế là hết!

Chị về nhà nghỉ một ít lâu, đợi sinh hoạt của thành phố bắt đầu khởi động lại, chị bế cháu về Cầu Ngang thăm gia đình anh Quang, chỉ nói qua loa là anh ấy tử trận, cứ vậy vài ba tháng đem cháu về thăm nội mang tí quà Sài Gòn, ở lại vài ba hôm rồi lên. Một hôm ngồi trên xe đò lên Trà Vinh để về Sài Gòn, xe dừng lại đón người đàn ông bên đường với bốn năm lồng vịt, người ấy lên xe chật nịch, chen ngang qua chỗ chị ngồi anh ta nheo con mắt trái, chị thấy người này quen quen nhưng nhớ không ra, vì mặt mày lem luốc, chị nghĩ anh ta nheo mắt tức là đã biết mình chắc ra dấu hiệu chị đó.

Xe tới bên, chị nán lại xuống sau cùng, cố ý chờ người bán vịt, mấy lồng vịt đặt lên xe lồi, người ấy quay lại nhìn chị, chị đi bộ theo ra góc đường bán vịt gà đứng chờ. Ổn định chỗ bán, người ấy tới hỏi chị:

-Chị Quang không nhìn ra em à, em Hoàng đây.

Chị mừng quá, Hoàng là bạn cùng quê với anh Quang, trước đây cùng đơn vị, Hoàng ở thám sát, anh Quang làm ban hành quân. Anh em gặp nhau thường xuyên, sau Hoàng xin đổi về Sư Đoàn 9 cho gần nhà. Nghe anh Quang nói về

Sư Đoàn 9 Hoàng ở đại đội trinh sát, gặp lại Hoàng giờ đây sắc thái suy sụp nhiều, già trước tuổi, cười nhưng không vui, chị nói với anh:

-Mặt chú bây giờ lem luốc, chị thấy quen quen nhưng không nhận ra, buôn bán có khá không?

Hoàng trả lời:

-Cũng tạm ổn, em có nghe tin anh Quang, em xin chia buồn với chị.

-Cám ơn chú, vận nước mệnh người thôi đành chấp nhận, sao tôi thấy chú không được vui, bộ gia đình gặp chuyện gì hay sao, xã hội tăm tối con người sống theo lối chụp giật có gì chia xẻ được, mình chia xẻ cho nhau .

Hoàng nhìn chị như dò xét, lưỡng lự nói:

-Không có gì đâu chị, một vài chuyện lật vặt thôi mà, hôm nào rảnh chị em mình tâm sự, cũng có vài chuyện em cần chia xẻ, nhưng không biết chia xẻ với ai, thời buổi này không thể tin ai được chị à.

Chị trả lời:

-Chú Hoàng tin anh Quang thế nào thì tin chị như vậy, bộ chú sợ chị là chó săn hả, có gì chú cứ nói đừng ngại.

Hoàng tới sát bên chị nói nhỏ:

-Nếu chị không sợ liên lụy thì em nói, em và một số anh em đại đội trinh sát ly khai, em buôn bán thế này để mua lương thực thuốc men cho anh em. Anh em khá đông, nhưng bị chúng giết lần giết mòn đi cả, chuyện quá dài không thể nói một lúc ở đây được, mỗi tuần hai ngày thứ hai và thứ ba em đều có mặt ở đây, lúc nào có dịp chị về đây trú hai ngày này em sẽ nói cho chị nghe .

Chị trả lời Hoàng:

-Bây giờ chị lên cho kịp chuyến xe đã, hai tuần sau trở lại đây tìm chú.

Về tới Sài Gòn chị tìm nhà cô bạn xin theo cô ấy chạy bán thuốc tây, chị được cô ấy giới thiệu với vài người chủ vựa thuốc, cô ấy nói:

-Ban đầu hơi lúng túng, nhưng nghề dạy nghề, cố nhớ vài tên thuốc với công dụng và liều lượng dùng, rồi mau chóng trở thành Dược sĩ.

Chị bám trụ ở sạp anh Nghị tại chợ Kim biên, cũng may anh Nghị là sĩ quan Biệt Động Quân tù về sớm nên anh ấy thông cảm hoàn cảnh của chị, tận tình hướng dẫn, chị ngồi liền mấy ngày để học. Thấy cũng không quá khó nên chị bắt đầu xuất chình, anh Nghị cho chị quyền tự diễn thuốc bỏ túi, cũng may trời cho có chút nhan sắc kèm theo sự lanh lẹ nên cũng buôn bán ra trò, quá dễ để hái tiền, người có thuốc đem đi bán họ không biết giá trị thuốc, người đi mua cần đúng tên thuốc, đúng bệnh chứ họ không cần biết giá tiền bao nhiêu.

Đúng hẹn chị về Trà Vinh sáng thứ Ba, mang theo một ít thuốc đau đầu đau bụng, với một ít tiền. Hoàng mừng nói:

-Tuồng chị lạnh gáy nói cho qua chuyện, không ngờ chị về thật.

Hoàng chỉ quán hủ tiếu nói:

-Chị vô đó gọi hủ tiếu ngồi đợi em, quán của hai ông bà người Hoa lớn tuổi họ ít chú ý tới người khác, hơn nữa cũng là nơi quen biết.

Khi Hoàng vào chị lấy gói quà nhét vào tay chú ấy.

-Trong này một ít thuốc, chị có ghi và một ít tiền chị phụ với chú, từ nay chú khỏi lo thuốc, anh em trong đó cần thuốc gì cho chị biết, chị sẽ phụ thêm một tý tiền để chú rộng tay chi dụng cho anh em.

Hoàng run run nói:

-Em cảm động quá, thay mặt anh em, em xin cảm ơn chị.

Hoàng nói tiếp:

-Sau ngày 30 tháng 4 tụi em kéo nhau mang súng đạn đi luôn không về, mấy tháng đầu tập trung, sau này xé lẻ, kiếm ghe sống trong kinh rạch, rừng tràm, rừng đước, bờ bụi, tụi em đã đánh phá nhiều nơi, giết chết nhiều thằng ác ôn. Cuộc sống của anh em ngày càng khó khăn, mò tôm,

bắt cá mưu sinh, mình em ngoài này cứ quây phụ giúp. Một số anh em bị thằng trưởng công an huyện Trà Cú bắt, thằng này quá ác ôn, bắt ai tình nghi là nó bắn ngay, vắt xác xuống sông không tra hỏi. Anh em mình đã bị nó giết đến sáu người rồi, em lo quá, cuộc sống này không thể kéo dài, ra trình diện gặp nó cũng chết, sống để chiến đấu nhưng chỉ một nhóm nhỏ đánh đấm làm sao, súng có mà đạn không, không lẽ sống lây lất như thế này mãi, em thương anh em quá nhưng nghĩ mãi không tìm ra cách nào cho ổn thỏa.

Chị góp ý:

-Theo ý chị trước tiên phải nghĩ cách tiêu diệt thằng công an đó đã rồi tính tiếp, bây giờ chú nên báo anh em ở yên và cố lẩn tránh, còn thằng công an chú thu thập tin tức của hắn, sinh hoạt thường ngày, gia đình, vợ con, nơi ăn, chỗ ở, thói quen, mọi việc mình sắp xếp từ từ không thể nôn nóng được, chị hứa sẽ đồng hành với chú và anh em. Thôi chị lên hai tuần sau về lại, khi nào cần việc gì chú lên chợ Kim Biên hỏi sạp thuốc tây anh Tư Nghị, chị lảng vảng quanh khu đó, cẩn thận là trên hết.

Chị trở lại chợ Kim Biên phải nói là thời gian hái ra tiền, nhà nước cộng sản bị cấm vận, bệnh viện toàn là thuốc lá cây, xuyên tâm liên, ngải cứu. Thuốc tây trong các kho Long Bình, kho 18 và các kho dự trữ khác của VNCH bọn cộng sản đưa ra bán hàng xe, như bán vật liệu phế thải. Bọn chúng không phân biệt được các loại thuốc nên không dám dùng, thi nhau chở đi bán. Buồn cười nhất, hôm nay bán thuốc đó, ngày mai lại đi mua thuốc đó, bán ra một mua lại ngàn, sẵn tiền vợ vét của đồng bào nhắm mắt nhắm mũi mua từng bao chuyển về Bắc.

Lặn lội ở chợ mới biết sinh hoạt đằng sau chợ, khi chiều xuống đêm lên, trong ánh đèn vàng mờ nhạt, bên những đống rác tanh hôi đủ thứ mùi, một xã hội lên ngôi, những bóng người như ma trôi lẩn lộn về tụ lại, họ là những tay móc túi, giật dọc, những kẻ ăn xin, những tay đâm thuê

chém mướn, họ có luật lệ của họ, có vùng đất tự trị trong giới giang hồ đường phố. Chị không biết họ nhưng họ biết chị, chị bắt đầu thích họ, thích cái xã hội với những tay ngang tàng bướng bỉnh, coi luật pháp không là chi, chị xích lại với họ, thân thiết với họ, hòa đồng với họ, hôm nào ai làm ăn không khá chị tặng một bao lì xì, họ đủ mọi lứa tuổi, nam có, nữ có, một số có gia đình ban đêm về nhà ban ngày nhập bọn.

Chuyện tên công an huyện Trà cú làm chị suy nghĩ mãi, nếu giết được tên này may ra anh em tìm được một ngả rẽ mới. Chị về gặp Hoàng như đã hẹn, Hoàng cho chị chi tiết cá nhân của tên ác ôn đó. Khó khăn là tên này sinh sống ăn ở trong huyện, gia đình ở đâu vùng ngoài. Chị đã nghĩ ra cách, tìm anh Nghị chủ vừa thuốc hỏi:

-Khách quen của anh có ai làm nhà báo không -?

Anh Nghị trả lời:

-Có mấy tay hay tới mua và đặt hàng, mua nhiều chắc đưa về ngoài bán lại.

-Hôm nào có nhà báo tới nam nữ chi cũng được anh nhớ gọi em nghe.

-Chi vậy, bộ muốn xin theo làm đệ hả?

Cả hai cùng cười, sáng nào tới chợ chị cũng ghé nhắc:

-Anh nhớ bạn nhà báo của em nghe.

Chị tìm đám anh em móc túi nhờ họ ra tay giúp lấy cái bóp để coi giấy tờ cá nhân của người làm báo, ai nẩy tranh nhau trở tài, họ hỏi:

-Con môi ở đâu?

Chị nói:

-Chuẩn bị thôi, khi nào người đó tới chị sẽ báo.

Một hôm, khoảng ba giờ chiều anh Nghị cho người báo tin ngắn gọn: “người tình của chị tới”. Chị chạy quanh tìm được ba em, hai gái một trai, chị tức tốc vào sạp, người đàn ông trung niên ốm xanh có lẽ thiếu dinh dưỡng đang hút thuốc nói chuyện với anh Nghị. Thấy chị anh Nghị theo

mắt gật gật đầu, ba đứa sà vào hỏi mua thuốc đau bụng chưa kịp nói lời nào là bỏ đi ngay. Trong lòng chị lo lo, chắc thằng cha này không mang theo bóp đựng giấy tờ nên mấy đứa thấy không có chi đã bỏ đi.

Chị đứng lên nói bằng giọng vài điều rồi theo sau lưng ba đứa, ra sau hàng vải con bé đưa cho chị cái bóp, chị giật mình la lên:

-Ôi trời! Chị tưởng thằng cha không có bóp nên các em bỏ đi liền, ai dè các em đã lấy, lanh không thể tưởng được, chị bái phục các em.

Một em nói:

-Lanh vậy mà có khi bị bẻ què tay đó chị.

-Chị lấy mấy tờ giấy giao bóp lại cho mấy đứa em nghe.

Lục tìm trong bóp, một thẻ đảng viên đảng cộng sản, một giấy giới thiệu của cơ quan báo chí thành ủy Sài Gòn, một thẻ chứng nhận nhân viên biên tập báo nhân dân và một chứng minh nhân dân (thẻ căn cước của mình đó) như vậy là quá đủ để chứng minh nhân thân của một người. Chị đi tìm nhóm làm giấy tờ giả, họ chụp hình làm tuốt luốt các giấy tờ kể cả thẻ chứng minh nhân dân, đương nhiên là thay tên đổi họ.

Chị về nhà ông nội của Bé, hỏi thăm tình hình nông nghiệp, vì có vài nơi nông dân không xuống vụ, không chịu cày cấy. Nắm rõ tình hình trong vùng, chị lên chợ Trà vinh gặp chú Hoàng báo cho chú ấy biết: “thứ bảy tuần sau chị sẽ về thăm thằng đó, không biết có giết được hay không, chị cố gắng tạo điều kiện thuận lợi, bằng mọi cách nó phải chết trong ngày thứ bảy, em xin vong hồn các anh chết oan phù trợ cho chị”.

Chị đã đi mấy trăm cây số nơi này nơi khác tìm chỗ thử súng, cuối cùng về sông La Ngà nơi này có khúc quanh nước chảy mạnh tiếng sóng ào ào, chị lấy cây súng Browning ra, cây súng quá nhỏ, đầu đạn bằng mút dứa, lúc trước thấy anh Quang hay bỏ túi chứ chưa khi nào thấy anh ấy

bắn, nên chị chưa biết sự công phá của viên đạn. Chị không an tâm, chị mang theo trái dưa khô, dí mũi súng sát trái dưa thử một phát, coi kỹ phía bên đầu đạn ra xoáy một lỗ đứt ngón tay cái lọt, thế là an tâm. Súng bán tự động một giây có thể bóp cò ba lần, chỉ có thánh mới phản công kịp, một giây ngắn ngủi trong hộp sọ không còn tí não nào.

Ngày thứ sáu chị về Trà Vinh lấy phòng ở lại nhà trọ, chiều lang thang ra vườn dưa để đầu óc bớt căng thẳng, tự an ủi mình nếu thuận tiện thì ra tay còn không thì thôi lo lắng làm gì cho mệt. Về phòng trọ uống một chai thuốc an thần của con nít mới chợ mắt được.

Sáng thứ bảy dậy sớm, lên bộ đồ giống như thằng mắt bóp, mang tòn ten máy chụp hình, súng nhỏ mang trong bắp vế sát háng bên phải, túi quần bên này cắt sạch cho đỡ vướng, tập đi tập lại nhiều lần cách moi súng, nhanh và cho tay vào cò chính xác vì cây súng quá nhỏ.

Khoảng 10 giờ sáng chị vào ủy ban nhân dân huyện, trình giấy giới thiệu và các giấy tờ liên quan cá nhân, nói cho họ biết mục đích tìm hiểu vấn đề an ninh trong huyện và nguyện vọng của bà con làm nông nghiệp, vì huyện này được tỉnh giới thiệu là huyện điểm nên các đồng chí trung ương quan tâm. Một cuộc họp vội vàng được triệu tập, các tay quan to, trưởng đầu ngành được giới thiệu, bí thư huyện, huyện đội trưởng, trưởng công an, và một số lâu la khác.

Ngồi ngắm mục tiêu, không đoán được tuổi vì mặt hằn nhằn nếp da bầm bầm đen sạm, chị nghĩ trong bụng cái ngữ này chắc không mê gái vì sinh khí không có, như con bọ, thì hơi sức đâu mà gái với gông. Hết ban này qua ban khác thay nhau, thành tích, phấn đấu, chỉ tiêu, chị ngồi nghe ghi ghi chép chép như ai. Xong việc báo cáo hơn 12 giờ được mời ăn cơm trưa, chiều đi thăm một vài xã để gặp bà con, rồi đến một vài nơi coi tình hình an ninh, tới đâu chụp hình tới đó, đám cán bộ khoái tử, cười híp mắt. Đi tìm hiểu an ninh trật tự thì đi sát với trưởng công an để nghe báo cáo

thành tích, cứ tưởng không còn sinh khí té ra sinh lực coi bộ dồi dào, chị mừng thầm thế thì quá thuận tiện, đàn ông lâu ngày không phụ nữ, gặp đàn bà chợ trời chỉ ba chiều là gia tài sự nghiệp coi như xong. Gần bốn giờ chiều thì đoàn cán bộ và nhà báo quay về huyện, chị chụp cho họ nhiều hình lưu niệm, chụp cả ngàn cái cũng không sao vì máy không phim. Hứa sẽ đăng báo trang đầu, quay qua nói nhỏ với trưởng công an:

- Sáng mai em có hẹn với các đồng chí thị ủy Trà Vinh, xe đồ bây giờ không còn, nhờ anh giúp đưa em lên thị xã với, lên tới trên đó em lo tất cho anh, nơi ăn, chỗ ngủ, uống nước tâm sự, chứ về nơi lạ ở một mình cô đơn lắm.

Nghe vậy thì đàn ông nào không sướng, không xuôi tai, hấn nói:

-Tôi không có xe, cô chờ tôi đi mượn coi có ai họ cho mượn xe hay không đã.

Chiếc xe Suzuki yên liền, có lẽ chạy bằng dầu hôi, khói phụt đen đường, gầm gừ gào thét cổ lẩn bánh công hai mạng người xa dân huyện thị. Ban đầu ngồi xa, qua một vài ổ gà xịch lại gầm, gầm hơn rồi nhẹ nhàng ôm hấn, nghiêng mặt kê vào lưng môn trốn cọ xát, hấn rung mình, có lẽ lần đầu trong đời hôm nay hấn mới được cảm giác đê mê đó. Chị xô toàn lời ong ve dụ dỗ, hấn im lặng không nói tiếng nào. Lên tới quốc lộ rẽ trái về thị xã, chị đề nghị ghé lên ao Bà Om chụp vài tấm hình kỷ niệm, chạy non cây số thì tới. Người ta gọi là ao nhưng đây là một cái hồ lớn, chiều dài cũng trên cây số, chiều ngang chỗ to chỗ nhỏ năm bảy trăm mét. Chung quanh hồ toàn cây sao, không đoán chính xác tuổi nhưng nhìn góc rẽ cũng có thể biết số cây ở đây đã có vài ba trăm năm. Ao Bà Om nổi tiếng cho những cặp tình nhân hẹn hò, hoang vắng đến lạnh lùng, u buồn cô tịch. Chị chọn một góc có hai rễ nhô lên như hai bờ tường, cao ngang đầu, ngồi xuống đó như ngồi trong góc nhà, chị nói với hấn:

-Mình xuống đây ngồi tý đi anh, ngồi lên rễ ngang tựa

lưng vào đây thì tuyệt vời.

Hắn dựng chiếc Suzuki vào gốc cây, chị xuống ngồi trước, xích qua phải chừa chỗ bên trái, đưa tay lắc nhẹ cây súng, lẩm bẩm một mình: “sắp tới phiên mày rồi đó”. Hắn vịn tay bước vô chỗ ngồi, hai người nói đủ thứ chuyện trên trời dưới đất, chị bắt đầu dựa vào hắn, mùi dầu thơm trên tóc quyen rũ hắn chịu không nổi, luôn tay phải qua lưng chị, rồi ôm lấy chị, hôn tứ tung lên trán, lên mặt, lên môi, tay trái chị vòng qua cổ hắn, hôn đáp trả, hắn say sưa hai mắt nhắm nghiền. Tay phải chị móc cây súng dí sát màng tang bên trái bóp cò, năm tiếng đẹt đẹt như tiếng vỗ tay vang lên trong buổi chiều xế bóng.

Hắn chết liền không nhúc nhích, cũng chết trong tư thế ngồi như anh Quang, hắn chết trong lúc đang nhắm mắt tận hưởng nụ hôn nồng nàn của tử thân ban tặng. Hắn phải trả mạng lại cho sáu anh em, cho những người vì yêu thương đất nước mà hắn đã ra tay.

Chị cũng biết rằng thằng ác ôn này chết thằng ác ôn khác lên thay, nhưng biết đâu thằng sau có kẽ hở, anh em tìm cơ hội vượt qua. Chị dựa lưng hắn vào rễ cây, vắt chân lên, hai tay bỏ lên đầu gối, người ta đi ngang qua cứ ngỡ hắn đang ngồi chơi. Chị chạy xe ra quốc lộ, bỏ lại trong sân chùa, đón xe gió về lại Sài Gòn trong đêm.

Tuần sau tin từ nhà anh Quang nhắn lên, cả tuần nay công an ập vào nhà lục lọi, hỏi chị hạch sách đủ điều. Cô em gái từ nhà chạy ra chợ báo tin, không biết tìm gì mà công an ập vào nhà lật tung mọi ngõ ngách, cuối cùng họ hỏi chị đi đâu, ba mẹ nói chị đi về ở dưới Cầu Ngang. Cô em nhắn chị đừng về nhà.

Tối hôm đó chị xin ở lại với chị em bụi đời, mấy đứa móc túi đứa nào cũng thương chị, các em hỏi lý do chị ở lại, chị nói chị đang bị truy nã, mấy đứa có suy nghĩ giống chị, ban đêm ở đây còn ban ngày thì sao, không phải lẩn tránh một vài hôm mà có thể là suốt đời, một em bàn với chị:

-Đợi má Chín về tụi em đến gặp má nhờ má nghĩ cách.

Khoảng hơn mười giờ người đàn bà lớn tuổi đi trước, theo sau một tốp bị gậy nghêu ngao ca hát cùng nhau vào chợ, thấy cuộc sống vô tư của họ, chị cũng vui lây, mấy đứa nhỏ nói:

-Chị ngồi khuất bên kia để bọn em nói nhỏ với má đã, nếu má đồng ý tụi em đưa má qua đây gặp chị.

Chị nghĩ các em tuy nhỏ nhưng ra đời sớm va chạm nhiều trong việc mưu sinh nên đầu óc các em tinh tế và khôn ngoan.

Má chín theo mấy đứa nhỏ đến gặp chị, hứa sẽ giúp, má bảo ngủ đi sáng mai dậy sớm mọi chuyện xong ngay. Mấy đứa nhỏ nhường mùng muối và chỗ ngủ cho chị, suốt đêm không thể nào chợp mắt được. Ngồi bó gối suy nghĩ làm thế nào để vượt qua ngõ bí này, chị đành bó tay nghĩ không ra cách, tự an ủi mình thôi tới đâu hay tới đó, mấy người gác chợ cầm gậy đi ngang qua la lớn:

-Mấy thằng nhóc không ồn ào nghe chưa?

Rất sớm má Chín mang túi vải tới tìm chị, chui vào mùng má bảo:

-Phải làm sớm, đừng để cho tụi nó biết mặt em.

Má mở bao ra mùi hăng hắc xông lên hôi muồn lộn ruột, lấy cái gì đó gắn lên mắt trái, má nói cái này khó chịu lắm, ngứa quá thì lấy tăm xỉa ngang vô, không được tháo ra, một tuần má tháo ra cho một bữa. Xong rồi gắn cái chi mát mát vào tay chị như vết thương hồi nãy em đã thấy. Má Chín làm cho chị và chỉ cách, bôi một tý phẩm đỏ lên, lấy lớp mỡ mỏng gọi là bàng nhặng lớp này thường bọc ngoài lá gan, hay ruột già của bò mới được, vì mỡ bò khi khô nó chuyển sang màu vàng vàng. Trời nóng mỡ tươm ướt thấm vô phẩm đỏ thành ra một vết thương mưng mủ máu. Quệt thêm chung quanh một lớp mật mỏng, hay nước đường thể là đi tới đâu ruồi lẳng theo tới đó, gớm ghê ít ai dám nhìn.

Đặc biệt loại bâng nhặng này đắp lên chỗ nào là dính sát, con mắt chị ghèn dính tèm lem là nó đó. Rồi trét đất lên mặt, lên tay, chỗ nào đậm chỗ nào nhạt là một nghệ thuật trang điểm công phu chứ không đơn giản như mình tưởng. Má nói bây giờ không ai có thể nhìn ra em, phải đi lang thang, tìm chỗ ngồi dang nắng cho cháy lớp da mịn màng tiêu thụ này đi. Khi đi ngoài đường mình là người ăn xin đui què, đói đi không muốn nổi, đừng cầm đầu cầm cổ chạy như thiên hạ. Chị cảm ơn má Chín dúi vào tay Má một nắm tiền, Má từ chối không lấy, chị năn nỉ Má mới cầm.

Thế là chị nhập cuộc xin ăn, chị đi theo mấy nhóc móc túi, các em chỉ đâu chị ngồi đó, cuộc sống lẻ đường cũng nhiều thú vị. Gia đình chị gặp chị nhưng họ nhận không ra, khi nào cần gì chị nhờ các em móc túi liên lạc.

Tháng trước chị thấy chú Hoàng láng vãng trước sạp thuốc anh Nghị, chị viết mấy chữ “cần gì thì nói với em này, chị không tiện gặp chú”. Chị nhờ mấy em móc túi cầm tờ giấy tới giật đồ trên tay chú Hoàng để chú đuổi theo, đuổi một đoạn thì túm được thằng nhỏ, nó van xin tha, nhét miếng giấy vào tay chú, Hoàng liếc qua mảnh giấy, túm áo thằng nhỏ kéo đi:

-Tao đem chú mày cho công an.

Hoàng kéo thằng nhỏ đi, viết nguệch ngoạc mấy chữ nhét vào tay chú móc túi:

-Em trả miếng giấy này lại cho người nhờ em đưa.

Hoàng viết:

-Ngày 9 âm lịch, về tìm xe lôi số 162.

Đêm hôm qua chị nhờ đưa bé tới, chị ngồi trong mùng không dám cho bé thấy cái mặt dễ sợ của chị, bé nhận ra tiếng mẹ, chị cho bé biết chị hóa trang để trốn khỏi bị đi tù nên mặt mẹ dơ lấm, bé đừng nhìn và đừng nói chi hết. Hai mẹ con mình ngày mai cùng đi trốn.

Chị từ già gia đình hè phố, ai cũng quyến luyến yêu

thương, họ là những người sống ngoài lề đường tận cùng xã hội nhưng lòng họ bao la như đại dương, tim óc họ cao như núi. Mấy đứa móc túi cầm tay chị khóc nói:

-Chị đi đâu khi nào về nhớ tìm chúng em.

Chuyến xe Sài Gòn Trà Vinh hôm nay về trễ vì qua trạm Vĩnh Long tụi thuế xét lâu quá, chị cũng đâm lo. Có lẽ Hoàng đã dặn chồng em rồi khi thấy số xe chị hỏi xe chú có đi không, chồng em hỏi lại:

-Có phải chị Quang không -?

Chị gật đầu lên xe, chồng em nói:

-Hoàng nhờ em nói lại với chị, sáng mai 3 giờ chị lên tàu Phú Thịnh khoảng 3 giờ rưỡi hay trễ hơn một tí tàu này sẽ nhổ neo chạy lên Sài Gòn, nếu như quá bốn giờ nó không nhổ neo thì xuống nhanh và lẩn trốn. Để chắc ăn hơn, 2 giờ em đưa chị về bên đò và sẽ đứng chờ cho đến khi đò rời bến.

Một đêm không ai chợp mắt, có lẽ chồng tôi không biết chị Quang đã làm gì, sống ra sao trong thời gian qua. Hai giờ sáng họ ra xe lôi, tôi nắm tay chị nói:

-Em kính phục chị, kính phục người vợ lính bất khuất, người phụ nữ anh hùng ngoài trí tưởng tượng của em. Em nhớ chị mãi, và em cầu nguyện cho chị hằng đêm.

Lời nhắn của em: *“Nếu chị đọc được bài này, xin chị liên lạc với Ban Biên Tập Tạp San Biệt Động Quân để lấy địa chỉ của em, chúng em nhớ chị, hỏi và tìm chị khắp nơi”*.

Thương nhớ chị nhiều.

Phuong Lâm.

Mắt

QUỀ HƯƠNG

Hoàng Đức

Sau ngày Ba Mươi Tháng Tư Năm Một Ngàn Chín Trăm Bảy Mươi Lăm, (vâng, tôi muốn viết ngày tháng năm này bằng nét chữ hoa vì đó là một dấu mốc lịch sử quan trọng không thể nào quên được dù trước đây tôi là một học sinh Trung Học rất lười học môn lịch sử và nhất là học thuộc lòng những ngày tháng ghi dấu những sự kiện lịch sử nước nhà cũng như lịch sử thế giới.) sau ngày oan nghiệt đó, bao nhiêu biến đổi đã xảy ra trên đất nước tôi, bao nhiêu sự kiện “đổi đời” đã đến với những người Việt Nam từ Bắc chí Nam trên mảnh đất hình chữ S.

Tôi vẫn còn nhớ mãi ông giáo sư người Pháp dạy môn Lịch sử, ông R. hung thần trong các cuộc thi vấn đáp Tú Tài đơn và kép, chương trình Pháp. Các thí sinh vào vấn đáp môn Lịch sử gặp ông giáo sư này thì nắm chắc kết quả trượt vô chuỗi vì những câu hỏi hắc búa của ông ta. Tôi may mắn không gặp ông ta nhưng các bạn thiếu may mắn khác kể rằng năm nào ông ta cũng chỉ bắt thí sinh trả lời 5 câu hỏi liên quan đến ngày tháng năm của các sự kiện lịch sử trên thế giới. Ông ta đưa ra một sự kiện lịch sử và bắt thí sinh nói ra ngày tháng năm xảy ra sự kiện đó, hoặc ngược lại, ông đưa ra ngày tháng năm và hỏi sự kiện lịch sử nào xảy ra vào thời điểm đó. Khó ơi là khó! Không mấy ai qua khỏi được quan ải này và đành ngậm ngùi than câu học tài thi

phận. Bây giờ, ngồi nghĩ đi, nghĩ lại thì vốn liếng lịch sử của tôi liên quan đến ngày tháng năm chỉ vốn vẹn có một ngày duy nhất 30/4/1975 là còn tồn tại trong bộ nhớ đã hao mòn theo tuổi đời ngày càng chông chênh. Dầu sao thì cũng là một điểm son đáng khen dành cho một tên học trò dốt bộ môn Lịch sử. Những ai đã bỏ nước ra đi sau ngày oan trái này của lịch sử nước nhà mà không nhớ đến ngày này thì đúng là sắp diên đến nơi rồi hay ít nhất là cũng đang bị căn bệnh quái ác chưa có thuốc chữa, Alzheimer hỏi thăm. Nhưng hình như người mắc bệnh Alzheimer chỉ quên những gì trong hiện tại mà không quên những sự kiện xảy ra với họ trong quá khứ. Lúc mới bắt đầu mắc bệnh, những tế bào ký ức hiện tại tan dần thành nước và trái lại những tế bào ký ức quá khứ vẫn chưa bị thương tổn. Như vậy thì những người Việt Nam tha hương dù mắc bệnh Alzheimer vẫn không thể nào quên được ngày Ba Mười của tháng Tư Đen. Quên làm sao được ngày lịch sử đất nước sang trang! Không hiểu sao cứ nghĩ đến ngày này, ngày mà quân cộng sản tràn vào xâm chiếm miền Nam Việt Nam là tôi lại hình dung cảnh đất nước bị quân Bắc phương thuộc các triều đại Hán, Tống, Đường, Mông vv... mãi tận bên Tàu sang xâm lấn nước ta trong lịch sử một ngàn năm bị mấy ông “trời con” đô hộ.

Cùng là người đồng chủng, con Rồng, cháu Tiên, nhưng tôi xem họ, những người xâm chiếm quê hương miền Nam của tôi, như những người xa lạ. Trong những ngày đầu tiên khi “Cách Mạng thành công” (Mia mai thay cho kẻ bại trận!) các nha, sở, bộ, nói tóm lại, các cơ quan hành chính của Việt Nam Cộng Hòa đã bị các người tự xưng là Cách Mạng vào chiếm đóng mà danh từ hoa mỹ “tiếng Việt Nam trong sáng” của họ, gọi là tiếp thu, tiếp quản, quản lý hay quản ní. Họ đem bầu đoàn thể tử của họ vào trú ngụ ngay tại các văn phòng làm việc. Một số công chức cũ điều đóm đã lân la làm quen với họ, với vợ chồng con cái họ, thậm chí có người lại bông bế các em bé trong gia đình họ để nựng nịu, âu yếm, tôi xem mà ngứa mắt vì không thể “thương”

nổi những bộ mặt trâng tráo của kẻ chiến thắng và có quá đáng chẳng khi tôi ghét lây cả những đứa bé ngây thơ vô tội trót sinh ra trong những gia đình mà cha mẹ chúng là những tên cộng sản. Tâm trạng tôi, tâm hồn tôi là thế đó, thiếu hẳn tính vị tha vì tha nhân này là những người tôi không ưa, tôi ghét họ vì họ làm tôi mất quê hương. Tôi đang sống trên quê hương, vẫn ngày ngày nhìn lá me bay trên đường phố, nhưng hồn thơ thì đã mịt mù tăm cá, không rạn ra được một câu thơ nào để ca tụng tình yêu. Cảnh cũ vẫn còn đó nhưng cái hồn của cây cỏ lá hoa hình như đã theo vận nước mà trôi đi biển biệt hay hồn thiêng sông núi đã bay cao cho lòng người ở lại nhuốm u sầu.

Tôi bị một tên bạn đồng nghiệp, trở cờ, cách mạng ba mươi, báo cáo với lũ cán bộ về sự phản kháng tiêu cực, nên đã bị chúng kêu lên “làm việc”. Chúng “lên lớp” tôi về sự bất hợp tác với cách mạng và về nỗi buồn mà tôi không che dấu được trên gương mặt khó đăm đăm của tôi mỗi khi ngồi nghe chúng thuyết giảng như con vẹt về Mác Xít, Lê Nin Nít, Hồ Chí Mít. Chúng chất vấn tôi về chuyện tôi hay “phát biểu linh tinh” về nỗi buồn đánh mất quê hương. Theo chúng lập luận, quê hương Việt Nam bao giờ cũng tồn tại với người Việt Nam, chỉ có bọn phản động, phản cách mạng mới đặt ra vấn đề đánh mất quê hương, vấn đề mất nước. Tôi chỉ im lặng ngồi nghe, không thềm tranh biện với bọn chúng vì tôi biết lý kẻ mạnh bao giờ cũng thắng và vì tôi chê, không thềm nói chuyện với chúng. Chúng thù ghét tôi vì thấy được nét khinh khỉnh và bướng bỉnh trên vẻ mặt tôi xem thường quyền hành của bọn chúng, nhưng chẳng làm gì được tôi vì tôi im lặng không phản kháng. Đôi lúc tôi tự xét thấy mình đã hèn vì không dám tranh luận với bọn chúng nhưng rồi tôi lại tự an ủi rằng “tránh voi chẳng xấu mặt nào” hay “thương cha chớ chọc ăn mày” hoặc “Im lặng là vàng”, những câu khuyên bảo vàng ngọc này tôi áp dụng nhuần nhuyễn đến mức tối đa. Nhìn lũ cán bộ cái, bàn tọa to như cái thúng, đi đứng lạch bạch, ú na, ú nần như heo

nái, nhiều lúc, tính ma bùn của tôi nổi dậy và tôi nghĩ hay là mình thử tìm cách tán tỉnh mấy con mụ này để “trả thù dân tộc” như mấy ông bạn của tôi lúc du học Mỹ đã “Sex” với gái Mỹ, bảo rằng họ đã “trả thù dân tộc” vì lính Mỹ sang tham chiến tại Việt Nam đã suồng sã với đàn bà Việt Nam. Nhưng rồi, luân lý, đạo đức không cho phép tôi thực hiện ý tưởng đen tối đó. Hơn nữa, tôi đã khinh bỉ và ghê tởm một trong hai tên cán bộ đến tiếp thu Nha của chúng tôi khi hắn ta đã dùng quyền lực để tặng tịu với một cô thư ký trong nha. Chồng cô này vốn là một cựu công chức có địa vị khá cao trong ngành hành chính đã vội vàng rời bỏ quê hương trong những ngày đầu sôi lửa bỏng mà không kịp mang theo vợ con. Tên cán bộ lưu manh đã lợi dụng hoàn cảnh này để vừa đe dọa vừa tán tỉnh cô nàng thất cơ lỡ vận không nơi nương tựa, để lại cho cô ta một cái bầu rồi cuốn gói về Bắc khi bà vợ chẳng lửa vào Nam nổi máu Hoạn Thư.

Tôi vốn nghĩ rằng quê hương Việt Nam bao giờ cũng là của người Việt Nam dù cư ngụ bất cứ nơi đâu, trên quê nhà hay hải ngoại. Nhưng quê hương dưới ách ngoại xâm như thời Bà Trưng, Bà Triệu thì người dân Việt dù sống trên quê hương vẫn thấy đau xót vì nỗi buồn mất nước và cũng vì thế mà Nhị Trưng đã khởi nghĩa đánh đuổi quân nhà Hán ra khỏi bờ cõi, dựng xây đất nước cho người dân thực sự được sống trên quê hương yêu dấu. Tiếc thay công nghiệp của Hai Bà chẳng tồn tại được bao lâu, hình như chỉ vốn vẹn có 3 năm trong ký ức của tên học trò dốt môn Lịch sử này. Trong niềm suy tư của người dân Việt vong quốc thời xa xưa, tôi đã ngậm ngùi chua xót khi sống trên đất nước tôi, miền Nam Việt Nam mà lòng luôn tưởng nhớ thời đất nước vắng bóng lũ người Bắc phương vừa ào ạt kéo vào theo vận nước điêu linh, theo thể cuộc an bài, khi “Đông Minh tháo chạy”.

Tôi mang tâm trạng kẻ đánh mất quê hương, sống nơi quê nhà rờn rã gần 10 năm, chính xác hơn là 9 năm và 11 tháng kể từ ngày 30/4/1975 cho đến ngày mùng Một tháng

Từ năm 1985, ngày tôi rời bỏ quê hương, trốn khỏi chôn lao tù cộng sản, nhà giam nhỏ bé giữa 4 bức tường nham nhúa và nhà giam rộng lớn, đất nước miền Nam dưới chế độ cộng sản đầy ảo tưởng chính trị đang đi dần đến chỗ diệt vong trên toàn thế giới. Những ngày trước Tháng Tư Đen vì không phương tiện đào thoát, vì còn mơ vọng hào huyền một biện pháp hòa giải của quốc tế, vì tin lời một ông bạn có năng khiếu bói toán đã dám cả gan tiên đoán rằng vận nước chưa đến hồi suy vong vì hoa cỏ, cây cối trong khuôn viên dinh Độc Lập vẫn còn xanh tươi, thậm chí nhụy tinh hoa dân tộc, phảng phất hồn thiêng sông núi bao la. Mà thật thế, tôi cùng ông bạn “Lốc Cốc Tử” đứng nhìn dinh Độc Lập một sáng “Bình minh cây xanh trong nắng gội” và lòng lâng lâng một niềm tin vào vận nước chẳng thể biến suy mà quên hẳn bàn cờ quốc tế đã đến hồi kết thúc cho một đất nước Việt Nam sắp ngập chìm trong cơn hồng thủy. Tôi đã trả giá khá đắt cho nhận định thời cuộc sai lầm bằng hai lần tù tội vì vượt biên thất bại, bằng những ngày tháng sống lây lất trên chính quê hương mình mà ngôn ngữ trăm môi tơ lòng, xót thương đất nước suy tàn, tâm trạng hoang mang khi nghĩ đến một ngày mai đen tối cho dân tộc, cho nòi giống, cho thế hệ mai sau trong đó có con cháu của chúng tôi những người dân mất nước đang sống đâu đó trên quê hương và lang bạt nơi chân trời, góc biển hải ngoại xa xăm. Chợt nhớ văn hào Gheorghiu, người Roumanie, trong tác phẩm “The Second Chance” đã chua xót nhận định rằng mỗi người trong chúng ta sẽ trải qua hai cái chết. Cái chết đầu tiên đến với ta lúc ta lìa bỏ quê hương và cái chết thứ hai là lúc chúng ta vĩnh viễn từ già cõi đời. Người Việt Nam lưu lạc nơi xứ người quả thật đã một lần chết vì không thể sống trên quê hương dưới chế độ cộng sản, họ ra đi, chấp nhận đánh mất quê hương. Nhạc sĩ Nguyễn Đức Thành đã ngâm ngùi, chua xót mô tả cảnh tha phương của con dân đất Việt trong trong ca khúc: “Một lần miền viễn xót xa”:

Giờ đây mỗi đứa con lạc loài mỗi nẻo

Đưa Luân Đôn (Cali), đưa Paris, đưa đèo heo gió hút

*Gặp nhau từng hàng lệ xót xa, buông những câu chào
Đôi ba Sinh ngữ, Bonjour, Au revoir, Hello, Good bye
Con gục (ôm) đầu chua xót đắng cay
Thưa Mẹ, thưa Mẹ, thưa Mẹ, quê hương mình
Đã chết rồi, Mẹ ơi, Mẹ ơi, Mẹ Việt Nam ơi...*

Nếu lúc bấy giờ bọn cộng sản có cường từ đoạt lý bảo rằng quê hương Việt Nam mãi mãi vẫn là dải đất hình chữ S, vẫn do người Việt Nam chăm lo gìn giữ như chúng vẫn huênh hoang khoe công “dựng nước và giữ nước” thì bây giờ, bọn cầm quyền của nhà nước cộng sản đang dần dần phô bày bộ mặt Lê Chiêu Thống công rắn cắn gà nhà. Sau việc công nhận Hoàng Sa và Trường Sa là hải đảo thuộc chủ quyền Trung Hoa, sau việc cấm lại mốc xác định biên giới phía Bắc lãnh thổ, bán đất cho Tàu Cộng, giờ đây chúng đang công kênh lũ Tàu cộng vào Tây Nguyên khai thác Bauxite làm ô nhiễm môi trường sống và tạo cơ hội cho quân Tàu chiếm đóng vùng đất chiến lược quan trọng của giang sơn gấm vóc mà tổ tiên đã bao đời tạo dựng. Thế thì không những người Việt Nam tha hương đã mất quê hương khi xa lìa đất Mẹ mà con dân nước Việt hiện đang sinh sống trên vùng đất chữ S cũng đang ngày đêm âu lo cảnh ngoại xâm.

Tôi vừa đọc được ở đâu đó trên nhật báo, tuần báo, bán nguyệt san, nguyệt san hay trên Internet, tôi không nhớ rõ, một cái tin mà tức anh ách: Một thằng Tàu con vi phạm luật giao thông bị tụi bò vàng Hà Nội chặn lại xét giấy tờ. Hắn ngông nghênh dựng xe ngay giữa đường và ngồi trên xe phì phèo thuốc lá coi dân Hà Nội như cỏ rác. Tụi bò vàng chỉ biết bắt nạt dân lành chứ sợ thằng Tàu hơn sợ cha chúng nó. Dân Hà Nội thì bị đảng và nhà nước cho ăn tự do, độc lập no quá nên cũng “thằng hèn” như ông nhạc sĩ Tô Hải. Tôi nghĩ giá mà chuyện này xảy ra tại Saigon trước đây thì thằng Tàu các ké thế nào cũng mang lỗ mũi ăn trầu, cái đầu chảy máu, chạy cong đít về Tàu vì Sài Gòn không thiếu gì anh hùng mã thượng như Đại Cathay, Loan Mắt Nhung, Hùng Guitare, Dũng Dakao và Châu Kool vv... Tôi đã từng đọc say mê Duyên Anh và Nguyễn Thụy Long. Ngoài đời

thật, thiếu gì những hảo hán như những nhân vật được mô tả trong tiểu thuyết của Duyên Anh và Nguyễn Thụy Long, nhất là trong thời chiến. Những người hùng từ chiến trường trở về, những mũ đỏ, mũ xanh, mũ đen và mũ nâu mà gặp cảnh chướng tai gai mắt như trường hợp thằng Tàu phù còn đồ thì chắc chắn thằng Tàu con này sẽ bị băm thây. Họ là những chiến binh kiêu hùng chứ không phải là những kiêu binh trong nạn kiêu binh thời Trịnh Nguyễn phân tranh trong lịch sử Việt Nam. Tôi ngưỡng mộ họ, tôi “mê” họ vì tôi không can đảm khoác áo chiến binh nhưng lại mơ làm người hùng với những chiến công hiển hách. Tôi khoái đọc truyện đời lính, tôi đọc quên ăn, bỏ ngủ những truyện của Nguyên Vũ như Vòng Tay Lửa, Đời pháo thủ, Khung cửa chết của người tinh si vv... Và giờ đây, trên đất nước Cờ Hoa, tôi đọc không sót một trận chiến nào do các anh hùng mũ nâu tường thuật lại trong Tập san Biệt Động Quân. Tôi như sống lại với những hào hùng, những đau thương, những chiến thuật, những mưu lược tài tình, ngoạn mục. Tôi hồi hộp theo từng bước chân hành quân cam khổ và can đảm của những chiến binh mũ nâu. Tôi “phái” những phát ngôn ngô nghê, những tiếng chửi thề văng tục bộc trực, rất “nhà binh” của những chiến binh vào sinh ra tử giữa chốn bom đạn hung hiểm. Bằng tâm tư tình cảm, tôi theo bước chân họ, vào vũ trường, vào những nơi chốn ăn chơi trác táng, yêu cuồng sống vội, bỏ lại sau lưng, khung cảnh chiến trường với bao đau thương mất mát của chiến tranh tàn khốc.

Những ca khúc thời lửa đạn, tôi nghe đi nghe lại mãi không chán, nghe để mà thương cảm những anh hùng vô danh đã vĩnh viễn ra đi cho Non sông, Đất nước. Và tôi rợn người với ca khúc “Bắc Đẩu” của Nhạc sĩ Trần Thiện Thanh ca ngợi người anh hùng mũ đen:

*Người bỗng trở thành vì sao Bắc Đẩu, lẻ loi tinh cầu
đêm đen không dấu.*

*Một tôi chớm hè đạn pháo chuyển mưa ... Cây “Cầu
Ga” nhỏ anh qua, anh qua.*

Người tên: "Bắc Đẩu" chết trận hôm nao? Một áo quan đóng vội một chuyến cuối phiêu du ... "Có thấy dấu chiến xa của người của hôm qua?"

"Có thấy chiếc mũ đen của người lạc trong đêm?"

Và tôi ngậm ngùi nơi đất khách quê người, chợt nhớ đến bạn bè cùng trang lứa đã hy sinh cho non sông đất nước trong thời quê hương chinh chiến điêu linh:

*Thoáng thấy Xuân về thung lũng vắng
Hoa vàng trải thảm lối lên đồi
Lộc non bích ngọc tươi màu nắng
Man mác sầu dâng dạ bồi hồi
Quê hương giờ còn Xuân không nhỉ
Bạn hữu ai vượt thoát tù đày
Có nhớ Xuân xưa trường Võ Bị
Mai vàng thấp thoáng gió vờn lay
Chiến hữu biết ai còn ai mất
Ai đã ra đi, ai ở lại
Còn ai thấp nển trên gò đất
Sưởi hồn vất vưởng nơi hoang trại
Bao giờ trở lại chiến trường cũ
Trả nợ tang bồng còn vương vùi
Nghe đạn réo mưa bom vẫn vũ
Dừng lại quê hương thời niên thiếu.*

Mùa Xuân năm nay, trong niềm đau thương xa lìa đất Mẹ, không khỏi ngậm ngùi cảm thán khi văng vẳng bên tai giòng nhạc thấm đượm tình quê hương của nhạc sĩ Ngô Thụy Miên:

"Trời Sài Gòn, chiều hôm nay còn nhiều mây bay, nhiều niềm đau thương bi hận tràn đầy. Gượng nụ cười, giọt lệ trên môi, nhìn đất nước tôi bời, một thời em có hay. Những thành phố em sẽ đi qua, đây Ba Lê, đây Luân Đôn, đây Vienne, nhưng có đâu bằng Sài Gòn hôm qua, nhưng có đâu bằng Sài Gòn mai sau. Em có mơ ngày hát câu hồi hương..."

Hoàng Đức